

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và vốn hóa lớn với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

BCG, BSR

[Vĩ mô]

Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 05 năm 2023

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại với các cổ phiếu đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó

06/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,108.31	+0.96
VN30	1,102.32	+1.03
HĐTL VN30F1M	1,096.10	+0.82
HNXIndex	228.72	+0.95
HNX30	423.09	+1.15
UPCoM	84.43	+0.38
USD/VND	23,490	-0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.07	-0
Lãi suất qua đêm (%)	3.79	+15
Dầu (WTI, \$)	70.53	-2.25
Vàng (LME, \$)	1,961.02	-0.04



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,108.31 (+0.96%)
KLGD (triệu CP) 782.7 (-10.7%)
GTGD (triệu US\$) 666.0 (-10.9%)

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và vốn hóa lớn với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại SSI (+4.4%), VND (+6.9%), FUCESSVFL (+0.9%).

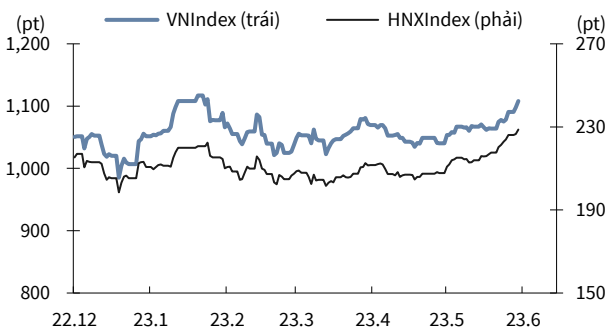
HNXIndex 228.72 (+0.95%)
KLGD (triệu CP) 130.5 (+16.8%)
GTGD (triệu US\$) 82.6 (+19.3%)

Theo số liệu từ Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), nhà đầu tư trong nước đã mở mới 104,745 tài khoản chứng khoán trong tháng 5. Con số này gấp gần 5 lần lượng tài khoản mở mới so với tháng trước và là mức cao nhất trong vòng 9 tháng kể từ tháng 8/2022. Giá cổ phiếu nhóm Chứng khoán tăng giá ở VND (+6.93%), SSI (+4.36%).

UPCoM 84.43 (+0.38%)
KLGD (triệu CP) 65.1 (-7.2%)
GTGD (triệu US\$) 29.9 (-15.2%)

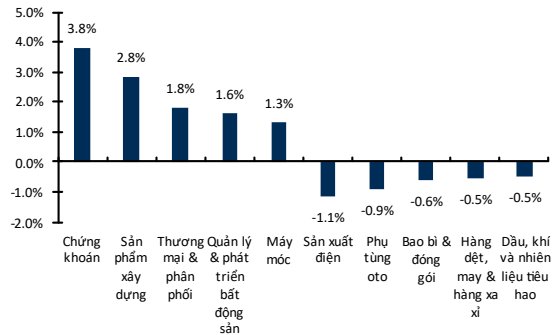
Giá thép hôm nay (ngày 6/6) giao kỳ hạn tháng 11/2023 trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 80 Nhân dân tệ, lên mức 3,623 Nhân dân tệ/tấn. Giá thép giao kỳ hạn tháng 5/2024 tăng 62 Nhân dân tệ, lên mức 3,520 Nhân dân tệ/tấn. Giá cổ phiếu nhóm Thép tăng giá ở HSG (+1.58%), POM (+6.93%).

VNIndex & HNXIndex



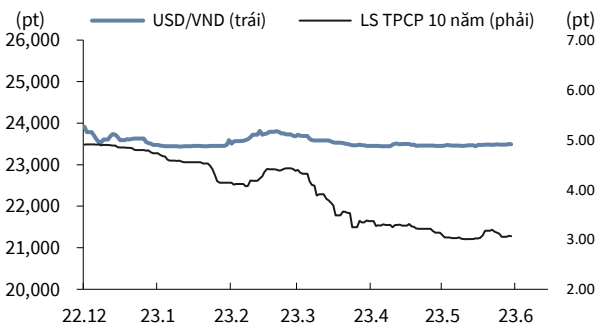
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



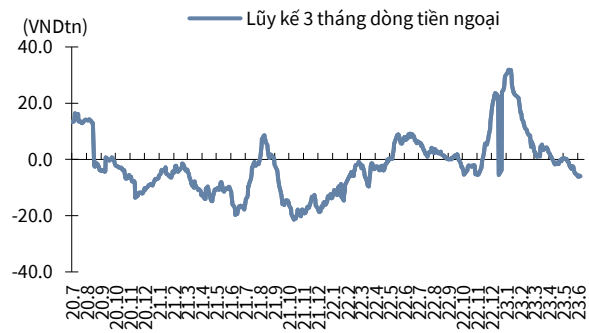
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

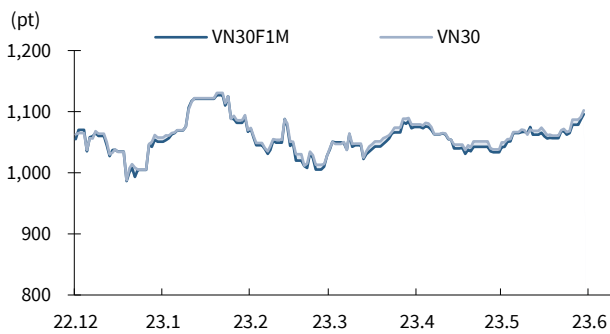
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,102.32 (+1.03%)
VN30F1M	1,096.1 (+0.82%)
Mở cửa	1,085.1
Cao nhất	1,096.6
Thấp nhất	1,084.1

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 mở cửa tại -5.88 điểm, sau đó biến động trong biên độ âm quanh mức -6 điểm và đóng cửa tại -6.22 điểm. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

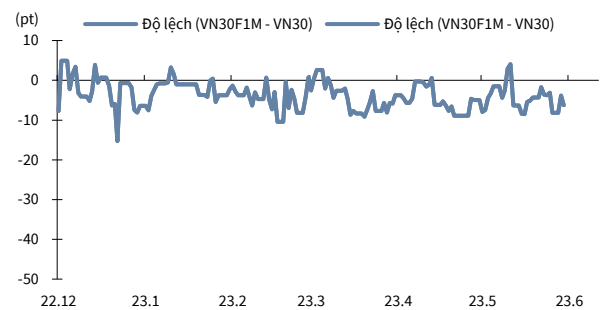
KLGD (HĐ)	155,506 (+2.8%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



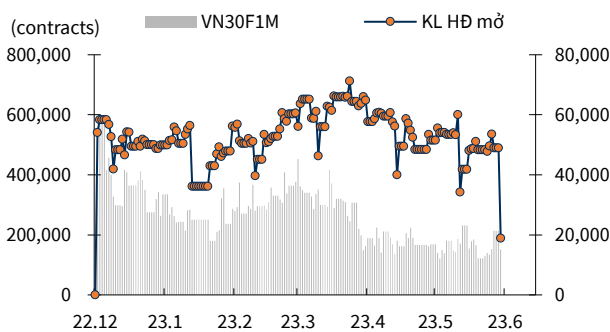
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



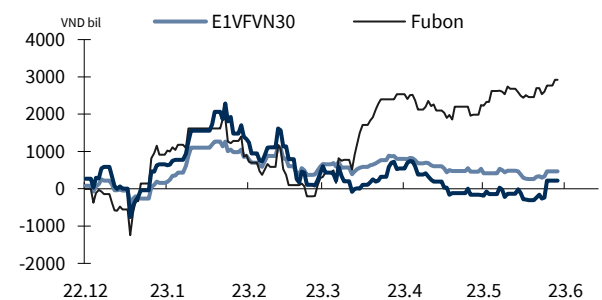
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

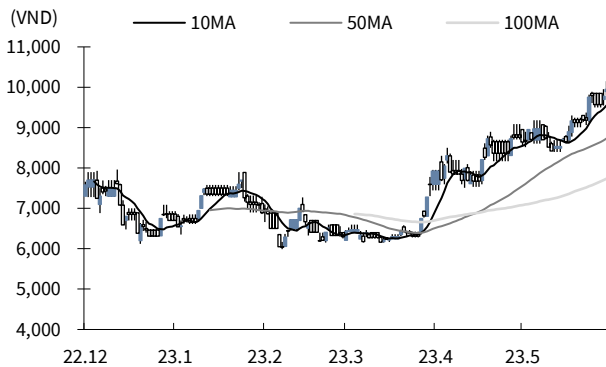
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG)

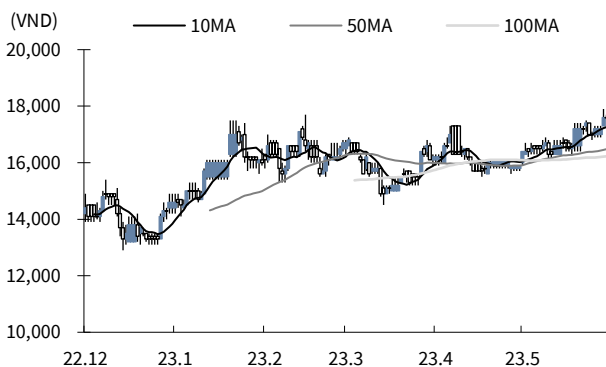


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BCG tăng 1.74% lên 9,950VND/cp

- CTCP Tập đoàn Bamboo Capital vừa thông báo muốn bán hơn 21 triệu cổ phiếu trong tổng số hơn 145.13 triệu cổ phần đang sở hữu tại Tracodi. Tạm tính thị giá của TCD chốt phiên 5/6 là 8,520 đồng/cp, BCG có thể thu về gần 179 tỷ đồng từ thương vụ. Qua đó, tỷ lệ sở hữu của BCG tại Tracodi sẽ giảm từ 51.63% về 44.15% vốn điều lệ. Dù vậy, tổng số cổ phần các thành viên ban lãnh đạo BCG và tập đoàn đang sở hữu vẫn trên 50%, tức vẫn đang nắm tỷ lệ chi phối tại Tracodi.

CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR đóng cửa ở mức tham chiếu 17,600VND/cp

- CTCP Lọc hoá dầu Bình Sơn vừa thông báo chốt ngày thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 với tỷ lệ 7% là 23/8, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/8. Ngày thanh toán dự kiến là 27/9. Với hơn 3.1 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, ước tính công ty sẽ chi khoảng 2,170 tỷ đồng để thanh toán cổ tức năm 2022. Trong đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), công ty mẹ nắm giữ hơn 92% vốn của Bình Sơn dự kiến sẽ thu về hơn 1,996 tỷ đồng tiền cổ tức được chia.

Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 05 năm 2023

Số liệu kinh tế vĩ mô tháng cho thấy 1 vài tín hiệu khả quan đã xuất hiện, dù bức tranh tổng thể nền kinh tế còn khá yếu. Cụ thể, lĩnh vực sản xuất cho tín hiệu tích cực khi IIP tăng nhẹ 2.2% MoM, tương ứng với đó là hoạt động xuất nhập khẩu với tổng kim ngạch tăng 5.3% MoM; tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tiếp tục là điểm sáng khi tăng 11.5% YoY, dù vậy động lực tăng trưởng phần nhiều đến từ hoạt động mua sắm khi khách du lịch quốc tế quay trở lại Việt Nam, trong khi cầu nội địa còn khá yếu. Ở chiều ngược lại, chỉ số PMI tháng 5 giảm sâu xuống mức 45.3 điểm, cho thấy ngành sản xuất Việt Nam khả năng cao sẽ rơi vào thời kỳ suy giảm kéo dài. Bên cạnh đó tiến độ giải ngân đầu tư công chậm cũng phản ánh những khó khăn của nền kinh tế.

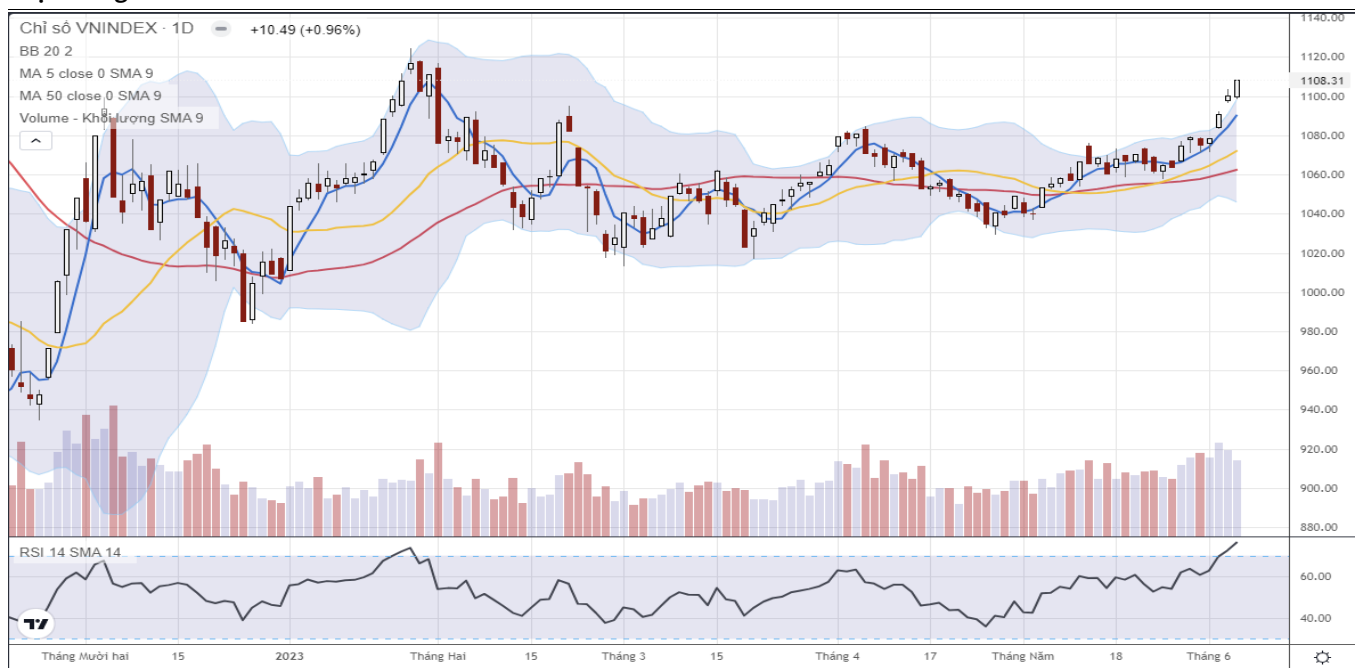
Tăng trưởng GDP quý 2 được dự báo ở mức 4.3% YoY, phản ánh bức tranh chung của nền kinh tế là tương đối yếu ở thời điểm hiện tại, và nối tiếp các số liệu vĩ mô âm ảm của quý I với tăng trưởng GDP chỉ ở mức 3.32% YoY. Một số yếu tố có tính chất hỗ trợ về mặt chính sách đã xuất hiện như NHNN hạ lãi suất điều hành, ban hành thông tư 02 và 03, gói hỗ trợ nhà ở xã hội, chính sách giảm thuế giá trị gia tăng VAT, tăng lương cơ bản, đẩy mạnh đầu tư công... Dù vậy, các tác động tích cực về mặt chính sách có độ trễ nhất định, trong khi hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn bởi cả những yếu tố khách quan (thị trường bất động sản suy yếu, mặt bằng lãi suất còn duy trì ở mức cao dù đã hạ nhiệt, rủi ro thị trường TPDN) và chủ quan (nhu cầu tiêu thụ hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sụt giảm mạnh).

CPI cả năm 2023 được dự báo chỉ tăng 3.8% YoY, thấp hơn mức mục tiêu 4.5% của Chính phủ. Với việc CPI tháng 5 chỉ tăng 2.34% YoY, mức thấp nhất kể từ tháng 9 năm ngoái, phản ánh tổng cầu nền kinh tế sụt giảm mạnh, chúng tôi giảm mạnh dự báo lạm phát cho năm 2023 xuống 3.8% YoY từ mức 4.4% YoY tại báo cáo gần nhất. Đây là tín hiệu tích cực giúp tạo dư địa cho Chính phủ và NHNN có thể áp dụng các chính sách tiền tệ và tài khoá hỗ trợ như cắt giảm thuế, thúc đẩy đầu tư công, hạ lãi suất điều hành... Bên cạnh đó, xuất siêu 5 tháng đạt 9.8 tỷ USD, giải ngân FDI đạt 7.7 tỷ USD đã hỗ trợ ổn định tỷ giá, tạo điều kiện thuận lợi để NHNN có thể tăng dự trữ ngoại hối, hạ lãi suất hỗ trợ phát triển kinh tế.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

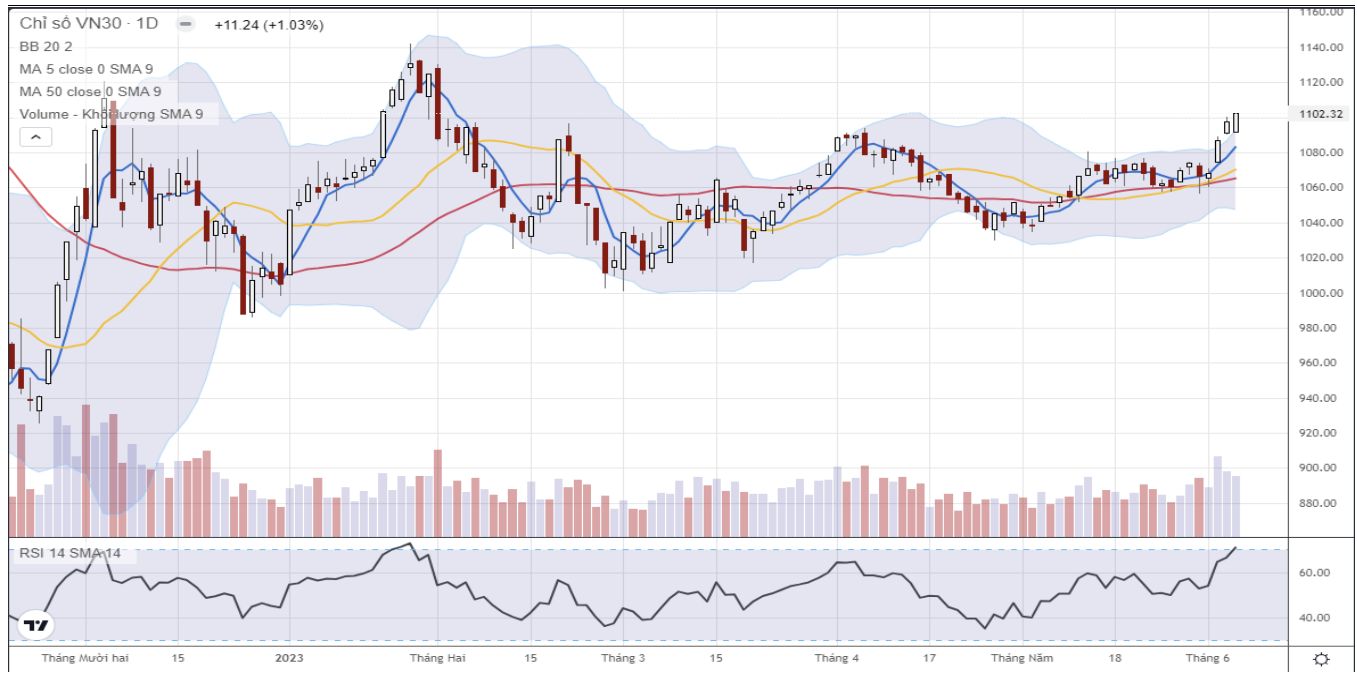
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số mở rộng đà tăng điểm tích cực và chớm vượt ngưỡng cản đáng lưu ý quanh 1100 (+5). Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex đang có nhiều cơ hội mở rộng đà tăng điểm và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quang 1120.
- NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại với các cổ phiếu đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1105 - 1110

Kháng cự gần: 1099 - 1102

Hỗ trợ gần: 1088 - 1100

Hỗ trợ xa: 1082 - 1085

— F1 tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hạ dần độ cao về cuối phiên.

— Lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số mở rộng đà tăng điểm tích cực và chớm vượt ngưỡng cản đáng lưu ý quanh 1090. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex đang có nhiều cơ hội mở rộng đà tăng điểm và hướng lên ngưỡng cản kế tiếp quanh 110x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

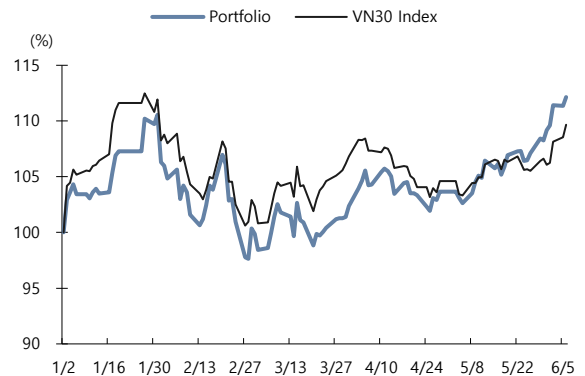
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.03%	0.72%
Tăng lũy kế (YTD)	9.66%	12.15%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	41,800	1.5%	8.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	25,150	4.4%	20.0%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỷ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,800	-1.2%	26.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	25,800	-1.1%	5.3%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,450	1.6%	13.7%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	85,300	0.4%	251.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,700	-0.2%	51.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,100	1.2%	29.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,750	0.5%	95.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	28,000	0.4%	172.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	4.4%	43.4%	142.3
VND	6.9%	21.0%	81.9
FUESSVFL	0.9%	97.0%	42.2
VHM	2.4%	24.4%	42.1
HDB	0.8%	19.7%	39.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.2%	54.9%	-145.5
CTG	-0.2%	27.5%	-69.6
ST8	0.6%	24.0%	-60.9
VPB	0.5%	17.4%	-56.3
MSN	-0.7%	30.1%	-41.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DTD	3.7%	5.9%	9.7
MBS	3.3%	0.5%	7.4
PVS	-0.3%	20.9%	2.5
PLC	1.3%	1.1%	2.2
HUT	0.0%	1.9%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	0.0%	1.1%	-3.0
CEO	0.0%	4.7%	-2.7
PVI	0.0%	59.7%	-2.0
SD5	-1.2%	8.0%	-1.8
TNG	-0.5%	15.8%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	5.2%	MWG, FRT, CTF, HAX
Thương mại & phân phối	5.2%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hóa chất	5.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Chứng khoán	5.1%	SSI, VND, HCM, VCI
Thiết bị điện	4.9%	GEX, SAM, CAV, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-0.9%	TLG, ILB, APC, ST8
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.8%	AST, VNG, DSN, DAH
Hàng không dân dụng	-0.6%	VJC, HVN
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-0.1%	TNH, JVC, VMD
Sản phẩm xây dựng	-0.1%	VGC, BMP, SHI, DAG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	20.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Chứng khoán	17.3%	SSI, VND, HCM, VCI
Tiện ích điện	15.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Máy móc	14.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hóa chất	14.2%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-6.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ uống	-3.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.7%	TNH, JVC, VMD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-2.7%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Vận tải hàng không & Logistics	-2.0%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	97,090 (4.1)	22.5	71.7	65.6	14.7	2.5	2.7	1.8	1.8	2.1	1.5	4.9	-1.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	80,463 (3.4)	26.6	7.8	7.2	35.9	19.4	17.9	1.4	1.2	2.4	0.2	12.2	14.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	87,611 (3.7)	17.8	15.7	14.2	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	0.9	-1.3	0.7	4.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	252,655 (10.8)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	0.7	1.9	0.4	-2.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	53,159 (2.3)	11.6	23.4	16.1	13.7	7.8	11.3	1.7	1.6	-0.2	-1.0	-1.3	12.5
DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	276,517 (11.8)	13.9	36.3	27.4	-	2.8	3.6	-	-	1.7	-0.3	12.9	16.9	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	63,446 (2.7)	6.3	13.8	12.0	11.7	23.0	21.0	2.7	2.2	1.0	4.8	10.2	23.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	31,021 (1.3)	12.7	11.7	9.7	-5.3	20.3	20.4	2.0	1.6	0.2	2.3	3.1	16.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	130,194 (5.5)	0.0	5.6	4.8	14.3	16.8	16.2	0.9	0.7	2.5	8.3	13.9	26.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	109,760 (4.7)	1.4	8.4	6.8	50.3	16.4	17.7	1.1	1.0	-0.2	2.3	3.1	5.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	186,337 (7.9)	0.0	8.8	6.7	18.8	13.8	14.6	1.1	1.0	0.5	2.1	2.1	10.9
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	179,683 (7.7)	0.0	5.0	4.3	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	3.3	9.1	13.0	19.6
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	39,819 (1.7)	4.2	4.8	4.6	23.3	24.2	20.7	1.1	0.9	0.8	2.1	0.8	20.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	447,035 (19.0)	14.0	7.5	4.4	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	0.9	2.2	13.4	25.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	123,013 (5.2)	0.0	6.7	5.9	37.4	20.6	20.5	1.2	1.0	-1.1	7.1	10.5	22.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	81,200 (3.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.5	2.4	11.1	-10.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	27,543 (1.2)	21.0	16.2	14.5	15.8	10.1	10.6	1.6	1.5	1.0	2.6	-2.1	-3.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,090 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	0.0	2.3	5.2	13.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	467,956 (19.9)	55.4	20.8	16.9	-3.2	8.3	10.2	-	-	4.4	7.7	17.2	42.1
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	163,188 (7.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	2.5	0.6	10.3	51.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	148,336 (6.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	3.2	1.7	11.0	38.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	505,192 (21.5)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	6.9	10.9	30.8	43.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	115,832 (4.9)	42.1	15.8	14.6	4.0	29.0	30.6	4.0	3.8	-0.2	-0.2	-3.5	-12.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,329 (0.8)	36.9	22.4	20.4	7.3	21.2	21.5	3.9	4.3	0.4	2.6	-3.3	-4.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	63,060 (2.7)	16.5	39.9	18.6	-51.9	8.0	12.9	3.7	3.7	-0.7	1.1	0.8	-20.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,166 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	2.1	11.3	-5.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	64,735 (2.8)	11.0	84.4	45.8	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.9	-0.8	1.8	-10.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	35,074 (1.5)	10.8	12.7	16.7	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	0.0	3.8	4.0	14.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	133,877 (5.7)	38.4	14.4	11.7	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	1.1	2.6	25.9	39.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	251,271 (10.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	3.4	15.4	30.4	45.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	38,069 (1.6)	3.6	24.4	20.6	-52.4	2.5	2.8	-	-	2.6	1.5	11.6	102.1
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	34,234 (1.5)	0.0	11.1	10.6	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	1.0	3.1	9.6	1.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	42,038 (1.8)	46.1	15.8	15.7	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	1.2	2.4	3.5	-6.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,363 (0.9)	31.4	12.5	12.2	-10.5	15.1	17.1	2.1	2.1	-0.3	0.6	7.5	16.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,456 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.0	6.1	6.5	29.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	365,520 (15.6)	18.0	14.1	10.1	21.9	9.1	11.8	1.2	1.1	0.5	1.9	1.4	20.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	69,590 (3.0)	36.5	8.7	9.9	-0.5	12.3	11.0	1.0	1.0	-0.9	2.5	0.3	-23.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	66,489 (2.8)	46.5	11.5	8.4	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.3	-0.2	4.3	9.7	-4.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	239,595 (10.2)	38.9	-	13.3	67.9	-0.7	6.7	0.8	0.7	1.6	1.6	3.5	39.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	67,378 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.9	5.0	7.4	69.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	26,400 (1.1)	4.6	16.2	14.3	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.9	-0.5	2.6	2.9	22.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	139,597 (5.9)	39.9	19.4	13.0	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	0.0	0.6	17.8	35.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	64,692 (2.8)	35.9	8.2	7.1	2.2	13.8	14.3	1.1	1.0	0.0	1.6	7.2	-1.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	95,538 (4.1)	0.0	21.3	11.6	14.4	11.1	18.3	2.3	2.1	1.5	6.1	10.6	-2.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	27,384 (1.2)	0.0	13.6	11.2	2.4	20.5	21.8	2.5	2.1	-1.2	2.4	-4.5	-19.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,549 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.4	7.5	27.7	44.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	39,264 (1.7)	30.3	44.5	18.5	-75.2	-	14.1	3.4	2.8	1.2	1.5	3.0	-4.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,964 (1.3)	34.6	10.9	10.8	41.2	17.6	15.8	1.8	1.6	0.8	2.6	14.9	19.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,630 (0.2)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.6	24.6	3.0	2.5	1.7	0.0	-3.3	32.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	70,845 (3.0)	0.0	15.6	12.9	15.5	26.9	27.4	3.9	3.3	0.4	1.5	8.8	10.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

